

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2017

“V/v xin ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Nghiêm
2. Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:
Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2017. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2017/QĐST- HNGĐ ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm T.M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khóm Khóm C.K, phường K.H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Th.T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khóm C.K, phường K.H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung là vợ chồng ngày 06/02/2017, nguyên đơn Phạm T.M trình bày: Vào năm 1996, chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán với anh Nguyễn Th.T không có đăng ký kết hôn. Chị M và anh T cùng sống chung với nhau tại xã

Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2013 thì về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị M tại khóm Châu Khánh, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc một thời gian, Chị Phạm T.M và anh Nguyễn Th.T đã có với nhau hai người con chung tên Nguyễn Chí Bảo, (nam) sinh ngày 11/03/1998 và Nguyễn Thị Tường Vy (nữ) sinh ngày 19/5/2004. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T thường bỏ nhà đi uống rượu say sưa, vô trách nhiệm với chị M và các con làm cho tình cảm phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và hai người đã không sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với nhau, chị Phạm T.M yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung với Anh Nguyễn Th.T là quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm T.M đã cung cấp cho Tòa án trích lục kết hôn bản sao của chị M với anh T và thay đổi nội dung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Th.T.

- Về con chung: Tên Nguyễn C. B, (nam) sinh ngày 11/03/1998 đã trưởng thành, lao động được không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Riêng đối với cháu Nguyễn Thị T.V (nữ) sinh ngày 19/5/2004 hiện đang sinh sống với chị M, đã lớn khôn, tùy theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với chị M thì chị M tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu Vi có nguyện vọng được sống với cha là anh T, chị M cũng không phản đối.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm T.M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/3/2017, anh Nguyễn Th.T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị Phạm T.M về con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như cuộc sống chung của vợ chồng. Anh T cho rằng giữa anh và chị M kết hôn với nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhưng do thời gian lâu ngày nên đã thất lạc giấy chứng nhận kết hôn.

Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T theo quy định của pháp luật, anh T không có văn bản trình bày ý kiến, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi Tòa án. Theo thủ tục tố tụng, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa

giải, triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia nhưng anh T không hợp tác mà vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/3/2017 không có lý do. Tòa án tiếp tục thông báo phiên hòa giải, triệu tập hợp lệ bị đơn lần hai để tham gia nhưng tại phiên hòa giải ngày 01/6/2017 anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Phạm T.M với anh Nguyễn Thanh T; giao cho chị Phạm T.M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tường Vy; ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Phạm T.M; về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn Phạm T.M. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm T.M thay đổi, bổ sung một phần đơn yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Th.T. Xét việc thay đổi, bổ sung một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi, bổ sung một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Th.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Th.T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong vụ án này, chị M yêu cầu ly hôn với anh T và giải quyết quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quan hệ pháp

luật nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/12/2002 theo đúng quy định. Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 263 ngày 15/5/2017 của Ủy ban xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; Sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh các con mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Phạm T.M có kết hôn với bị đơn Nguyễn Th.T là sự thật, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa anh Nguyễn Th.T và chị Phạm T.M đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó thì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến chị M và anh T không thể tiếp tục sống chung với nhau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa chị M và anh T không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Phạm T.M và bị đơn Nguyễn Th.T thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Phạm T.M đối với bị đơn Nguyễn Th.T là có cơ sở chấp nhận. Do

đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Phạm T.M được ly hôn với anh Nguyễn Th.T.

[4] Về con chung: Chị Phạm T.M và anh Nguyễn Th.T có với nhau hai người con chung tên Nguyễn C.B, (nam) sinh ngày 11/03/1998 và Nguyễn Thị T V (nữ) sinh ngày 19/5/2004 hiện đang sinh sống với chị M. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị TV. Tuy nhiên Chị M vẫn tôn trọng nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với cha hoặc mẹ thì tùy con quyết định. Đối với Nguyễn C.B, (nam) sinh ngày 11/03/1998 đã thành niên lao động được nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Xét tại thời điểm xét xử cháu V đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Phạm T.M. Nguyện vọng của cháu được thể hiện tại biên bản ghi lời khai ngày 06/3/2017. Nguyện vọng của cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay bị xúi giục, đồng thời trong một thời gian dài cháu V sống chung với chị M, cuộc sống của cháu vẫn đảm bảo phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần, chị M có công việc làm có thu nhập ổn định, đảm bảo được cuộc sống hằng ngày cho cháu Vy và cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu Nguyễn Thị T V cho chị Phạm T.M tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Phạm T.M trình bày: Nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn Phạm T.M về việc không yêu cầu bị đơn Nguyễn Th.T phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn Phạm T.M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phạm T.M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm T.M được ly hôn với anh Nguyễn Th.T.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm T.M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị TV (nữ) sinh ngày 19/5/2004.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị Phạm T.M, về việc không yêu cầu anh Nguyễn Th.T cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian chị M nuôi con, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm T.M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Phạm T.M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005405, ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị Phạm T.M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND p K H.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Toàn

